**Biểu B1-2c-TMDA**

**THUYẾT MINH**[[1]](#footnote-1)

**DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP TỈNH**

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN**

**1. Tên dự án**

**- Mã số** *(được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển)*:

**2. Thời gian thưc hiện:** ………. tháng

(Từ tháng /20… đến tháng /20…)

**3. Cấp quản lý:** …………

**4.** **Loại nhiệm vụ**

☐ Dự án KH&CN

☐ Dự án sản xuất thử nghiệm

**5. Tổng vốn thực hiện dự án:** ........................... **triệu đồng, trong đó:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nguồn** | **Kinh phí***(triệu đồng)* |
| - Từ ngân sách nhà nước |  |
| - Từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước |  |

**6.** **Đề nghị phương thức khoán chi:**

|  |  |
| --- | --- |
| ☐ Khoán đến sản phẩm cuối cùng | ☐ Khoán từng phần, trong đó: |
|  | - Kinh phí khoán: …………….....triệu đồng  - Kinh phí không khoán: …….….triệu đồng |

**7. Chủ nhiệm dự án**

Họ và tên: .............................................Số định danh cá nhân: ..................................

Ngày, tháng, năm sinh: ............................................ Giới tính: Nam ☐ / Nữ: ☐

Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn: ....................................................................

Chức danh nghề nghiệp[[2]](#footnote-2):......................................Chức vụ........................................

Điện thoại: …………………………E-mail: .............................................................

Tên tổ chức đang công tác: .........................................................................................

Địa chỉ tổ chức: ...........................................................................................................

**8. Thư ký khoa học của dự án**

Họ và tên: .............................................Số định danh cá nhân: ..................................

Ngày, tháng, năm sinh: ............................................... Giới tính: Nam ☐ / Nữ: ☐

Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn: ....................................................................

Chức danh nghề nghiệp: ......................................Chức vụ: .......................................

Điện thoại: …………………………E-mail: .............................................................

Tên tổ chức đang công tác: ........................................................................................

Địa chỉ tổ chức: .........................................................................................................

**9. Tổ chức chủ trì dự án**

Tên tổ chức chủ trì: ...........................................................................................

Mã số tổ chức: ………………………………………………………………………

Điện thoại: ..................................................................................................................

Website: ......................................................................................................................

Địa chỉ: .......................................................................................................................

Họ và tên người đứng đầu: ....................................................................................

Số tài khoản: ........................................tại kho bạc Nhà nước....................................

Ngân hàng: ..........................................................................................................

**10. Tổ chức tham gia chính** *(nếu có)*

***10.1. Tên tổ chức chịu trách nhiệm về công nghệ***: ..................................................

Mã số tổ chức: ………………………………………………………………………

Điện thoại: ..................................................................................................................

Địa chỉ: .......................................................................................................................

Họ và tên người đứng đầu: .........................................................................................

Tên cơ quan chủ quản (nếu có): …………………………………………………….

***10.2. Tên tổ chức khác***: .............................................................................................

Mã số tổ chức: ………………………………………………………………………

Điện thoại: ..................................................................................................................

Địa chỉ: .......................................................................................................................

Họ và tên người đứng đầu: ........................................................................................

Tên cơ quan chủ quản (nếu có): …………………………………………………….

Người chịu trách nhiệm chính về công nghệ của dự án: ...............................................

**11. Thành viên thực hiện dự án**

*(Ghi những người được phân công chịu trách nhiệm thực hiện đối với từng nội dung nghiên cứu của dự án thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện dự án. Các thành viên khác lập thành danh sách theo mẫu này có xác nhận của tổ chức chủ trì và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên, học hàm, học vị** | **Chức danh thực hiện dự án[[3]](#footnote-3)** | **Tổ chức công tác** |
| 1 |  | Chủ nhiệm dự án |  |
| 2 |  | Thư ký khoa học |  |
| 3 |  | Thành viên chính |  |
| … |  | Thành viên chính |  |

**12. Xuất xứ của dự án**

[Ghi rõ xuất xứ của dự án từ một trong các nguồn sau:

- Từ kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D) đã được Hội đồng khoa học và công nghệ các cấp đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị *(tên đề tài, thuộc Chương trình khoa học và công nghệ các cấp (nếu có), mã số, ngày tháng năm đánh giá nghiệm thu; kèm theo Biên bản đánh giá nghiệm thu/ Quyết định công nhận kết quả đánh giá nghiệm thu của cấp có thẩm quyền);*

- Từ sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng khoa học và công nghệ *(tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp);*

- Kết quả khoa học công nghệ từ nước ngoài (*hợp đồng chuyển giao công nghệ*; *tên văn bằng, chứng chỉ*, *ngày cấp nếu có; nguồn gốc, xuất xứ, hồ sơ liên quan*);

- Sản phẩm khoa học và công nghệ khác.

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**13. Luận giải về sự cần thiết, tính khả thi và hiệu quả của dự án**

***13.1. Làm rõ về công nghệ lựa chọn của dự án*** *(Tính mới, ưu việt, tiên tiến của công nghệ; trình độ công nghệ so với công nghệ hiện có ở Việt Nam, khả năng triển khai công nghệ trong nước, tính phù hợp của công nghệ đối với phương án sản xuất và yêu cầu của thị trường, ...).*

...............................................................................................................................................

..............................................................................................................................................

***13.2. Lợi ích kinh tế, khả năng thị trường và cạnh tranh của sản phẩm dự án***

*(Hiệu quả kinh tế mang lại khi áp dụng kết quả của dự án; khả năng mở rộng thị trường ở trong nước và xuất khẩu: nêu rõ các yếu tố chủ yếu làm tăng khả năng cạnh tranh về chất lượng, giá thành của sản phẩm dự án so với các sản phẩm cùng loại, chẳng hạn: sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước, giá nhân công rẻ, phí vận chuyển thấp, tính ưu việt của công nghệ...).*

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

***13.3. Tác động của kết quả dự án đến kinh tế-xã hội, quốc phòng, an ninh***

*(Tác động của sản phẩm dự án đến phát triển KT-XH, môi trường, khả năng tạo thêm việc làm, ngành nghề mới, ảnh hưởng đến sức khoẻ con người, đảm bảo quốc phòng, an ninh...).*

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

..............................................................................................................................................

***13.4. Năng lực thực hiện dự án***

*(Mức độ cam kết và năng lực thực hiện của các tổ chức tham gia chính trong dự án: năng lực khoa học, công nghệ của người thực hiện và cơ sở vật chất-kỹ thuật, các cam kết bằng hợp đồng về mức đóng góp vốn, sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động, bao tiêu sản phẩm, phân chia lợi ích về khai thác quyền sở hữu trí tuệ, chia sẻ rủi ro).*

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

***13.5. Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng kết quả của dự án***

*(Nêu rõ phương án về tổ chức sản xuất; nhân rộng, chuyển giao công nghệ; thành lập doanh nghiệp mới để sản xuất-kinh doanh, ...).*

..............................................................................................................................................

**II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN**

**14. Mục tiêu**

***14.1 Mục tiêu của dự án sản xuất[[4]](#footnote-4) hoặc chuyển giao công nghệ đặt ra*** *(Chất lượng sản phẩm; quy mô sản xuất);*

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

***14.2 Mục tiêu của dự án sản xuất thử nghiệm*** *(Trình độ công nghệ, quy mô sản phẩm)*

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**15. Nội dung**

***15.1 Mô tả công nghệ, sơ đồ hoặc quy trình công nghệ (là xuất xứ của dự án) để triển khai trong dự án***

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

***15.2 Phân tích những vấn đề mà dự án cần giải quyết về công nghệ***

*(Hiện trạng của công nghệ và việc hoàn thiện, thử nghiệm tạo ra công nghệ mới; nắm vững, làm chủ quy trình công nghệ và các thông số kỹ thuật; ổn định chất lượng sản phẩm, chủng loại sản phẩm; nâng cao khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm để khẳng định công nghệ và quy mô của dự án sản xuất thử nghiệm)*;

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

***15.3 Liệt kê và mô chi tiết những công việc của từng nội dung để giải quyết những vấn đề đặt ra kèm theo nhu cầu về nhân lực, trang thiết bị, vật tư, nguyên vật liệu và dịch vụ cần thiết phục vụ hoạt động nghiên cứu; nội dung thuê chuyên gia trong, ngoài nước thực hiện nếu có không kê khai ở mục này, sẽ được kê khai ở mục 16.1***

**Nội dung 1:** ........................................................................

Công việc 1.1: ........................................................................

Công việc 1.2: ........................................................................

..............................................................................................

**Nội dung 2:** .........................................................................

Công việc 2.1: ........................................................................

Công việc 2.2: ........................................................................

..............................................................................................

**Nội dung 3:** ........................................................................

Công việc 3.1: ........................................................................

Công việc 3.2: ........................................................................

..............................................................................................

**15.4 Đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật phục vụ thực hiện dự án** *(Kê khai số lượng và thời gian đào tạo cho cán bộ, công nhân kỹ thuật dự kiến)*

*…………………………………………………………………………………………………………*

*………………………………………………………………………………………………………*

*………………………………………………………………………………………………………*

*…………………………………………………………………………………………………………*

**16. Phương án triển khai**

**16.1. Phương án thuê chuyên gia**

*a) Thuê chuyên gia trong nước*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Họ và tên,  học hàm, học vị** | **Thuộc  tổ chức** | **Lĩnh vực chuyên môn** | **Nội dung thực hiện và giải trình lý do  cần thuê** | **Thời gian thực hiện  quy đổi**  **(tháng)** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| …. |  |  |  |  |  |

*b) Thuê chuyên gia nước ngoài*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Họ và tên,  học hàm,  học vị** | **Quốc tịch** | **Thuộc  tổ chức** | **Lĩnh vực chuyên môn** | **Nội dung thực hiện và giải trình lý do  cần thuê** | **Thời gian thực hiện quy đổi**  **(tháng)** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |
| …. |  |  |  |  |  |  |

**16.2. Phương án trang bị thiết bị máy móc để thực hiện và xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện dự án** *(theo quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng vốn nhà nước)*

***16.2.1. Phương án trang bị tài sản*** *(xây dựng phương án, đánh giá và so sánh để lựa chọn phương án hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả nhất, hạn chế tối đa mua mới; thống kê danh mục tài sản cho các nội dung c, d)*

a. Bố trí trong số thiết bị máy móc hiện có của tổ chức chủ trì dự án *(nếu chưa đủ thì xây dựng phương án hoặc b, hoặc c, hoặc d, hoặc cả b, c, d)*

b. Điều chuyển thiết bị máy móc (nếu có)

c. Thuê thiết bị máy móc

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Danh mục tài sản** | **Tính năng, thông số kỹ thuật** | **Thời gian thuê** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |

d. Mua sắm mới thiết bị máy móc

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Danh mục tài sản** | **Tính năng, thông số kỹ thuật** |
| 1 |  |  |
| 2 |  |  |

***16.2.2. Đề xuất phương án xử lý tài sản trang bị và tài sản là kết quả của quá trình triển khai thực hiện dự án*** *(tổ chức chủ trì đề xuất hình thức xử lý và đối tượng thụ hưởng)*

…………………………………………………………………………………………

…………………………………………………………………………………………

**16.3 Phương án tổ chức sản xuất/ sản xuất thử nghiệm:**

*a) Phương thức tổ chức thực hiện:*

(- Đối với đơn vị chủ trì là doanh nghiệp: cần làm rõ năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong dự án; phương án liên doanh, phối hợp với các tổ chức KH&CN trong việc phát triển, hoàn thiện công nghệ;

- Đối với đơn vị chủ trì là tổ chức khoa học và công nghệ: cần làm rõ năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong dự án; việc liên doanh với doanh nghiệp để tổ chức sản xuất thử nghiệm (kế hoạch/phương án của doanh nghiệp về bố trí địa điểm, điều kiện cơ sở vật chất, đóng góp về vốn, về nhân lực, về khả năng tiêu thụ sản phẩm của dự án phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức phân chia lợi nhuận; ...)

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

*b) Mô tả, phân tích và đánh giá các điều kiện triển khai dự án:*

- Địa điểm thực hiện dự án (nêu địa chỉ cụ thể, nêu thuận lợi và hạn chế về cơ sở hạ tầng như giao thông, liên lạc, điện nước.... của địa bàn triển khai dự án); nhà xưởng, mặt bằng hiện có (m2), dự kiến cải tạo, mở rộng, ...;

- Trang thiết bị chủ yếu đảm bảo cho triển khai dự án sản xuất thử nghiệm (làm rõ những trang thiết bị đã có, bao gồm cả liên doanh với các đơn vị tham gia, trang thiết bị cần thuê, mua hoặc tự thiết kế chế tạo; khả năng cung ứng trang thiết bị của thị trường cho dự án; ...);

- Nguyên vật liệu (khả năng cung ứng nguyên vật liệu chủ yếu cho quá trình sản xuất thử nghiệm, làm rõ những nguyên vật liệu cần nhập của nước ngoài; ...);

- Nhân lực cần cho triển khai dự án: số cán bộ khoa học và công nghệ và công nhân lành nghề tham gia thực hiện dự án; kế hoạch tổ chức nhân lực tham gia dự án; nhu cầu đào tạo phục vụ dự án (số lượng cán bộ, kỹ thuật viên, công nhân).

- Môi trường (đánh giá tác động môi trường do việc triển khai dự án và giải pháp khắc phục);

...............................................................................................................................................

..............................................................................................................................................

***16.4. Phương án tài chính*** *(Phân tích và tính toán tài chính của quá trình thực hiện dự án)* trên cơ sở:

- Tổng vốn đầu tư để triển khai dự án, trong đó nêu rõ vốn cố định, vốn lưu động cho một khối lượng sản phẩm cần thiết trong một chu kỳ sản xuất thử nghiệm để có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất thử nghiệm tiếp theo (trong trường hợp cần thiết);

- Phương án huy động và sử dụng các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước tham gia dự án;

- Phương án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước (các nội dung chi bằng nguồn vốn này).

- Tính toán, phân tích giá thành sản phẩm của dự án (theo từng loại sản phẩm của dự án nếu có); thời gian thu hồi vốn.

***(Các số liệu cụ thể của phương án tài chính được trình bày tại các bảng 1 đến bảng 5 và các phụ lục 1 đến phụ lục 7)***

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

***16.5. Dự báo nhu cầu thị trường và phương án kinh doanh sản phẩm của dự án***

*(Giải trình và làm rõ thêm các bảng tính toán và phụ lục kèm theo bảng 3-5, phụ lục 9);*

- Dự báo nhu cầu thị trường (dự báo nhu cầu chung và thống kê danh mục các đơn đặt hàng hoặc hợp đồng mua sản phẩm dự án);

- Phương án tiếp thị sản phẩm của dự án (tuyên truyền, quảng cáo, xây dựng trang web, tham gia hội chợ triển lãm, trình diễn công nghệ, tờ rơi, ...);

- Phân tích giá thành, giá bán dự kiến của sản phẩm trong thời gian sản xuất thử nghiệm; giá bán khi ổn định sản xuất (so sánh với giá sản phẩm nhập khẩu, giá thị trường trong nước hiện tại; dự báo xu thế giá sản phẩm cho những năm tới); các phương thức hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm dự án;

- Phương án tổ chức mạng lưới phân phối sản phẩm khi phát triển sản xuất quy mô công nghiệp.

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**17. Tiến độ thực hiện**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Các nội dung, công việc  chủ yếu cần được thực hiện; các mốc đánh giá chủ yếu** | **Kết quả phải đạt** | **Thời gian**  (bắt đầu,  kết thúc) | **Cá nhân,  tổ chức  chủ trì\*** | **Dự kiến  kinh phí** |
| *(1)* | *(2)* | *(3)* | *(4)* | *(5)* | *(6)* |
| **1** | ***Nội dung 1*** |  |  |  |  |
|  | - Công việc 1.1 |  |  |  |  |
|  | - Công việc 1.2 |  |  |  |  |
|  | …………… |  |  |  |  |
| **2** | ***Nội dung 2*** |  |  |  |  |
|  | - Công việc 2.1 |  |  |  |  |
|  | - Công việc 2.2 |  |  |  |  |
|  | …………… |  |  |  |  |
| … | ***Nội dung n*** |  |  |  |  |
|  | - Công việc n.1 |  |  |  |  |
|  | - Công việc n.2 |  |  |  |  |
|  | …………… |  |  |  |  |

**18. Sản phẩm của dự án**

[Phân tích, làm rõ các thông số và so sánh với các sản phẩm cùng loại trong nước và của nước ngoài: (i) Dây chuyền công nghệ, các thiết bị, quy trình công nghệ đã được ổn định (quy mô, các thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật); (ii) Sản phẩm đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; (iii) Ấn phẩm; (iv) Đào tạo; (v) Sản phẩm sản xuất thử nghiệm (chủng loại, khối lượng, tiêu chuẩn chất lượng)].

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**19. Phương án phát triển của dự án sau khi kết thúc**

**19.1. Phương thức triển khai** [Mô tả rõ phương án triển khai lựa chọn trong các loại hình sau đây: (i) Đưa vào sản xuất công nghiệp của doanh nghiệp; (ii) Nhân rộng, chuyển giao kết quả của dự án; (iii) Liên doanh, liên kết; (iv) Thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ mới để tiến hành sản xuất- kinh doanh; (v) Hình thức khác: Nêu rõ].

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**19.2. Quy mô sản xuất**(Công nghệ, nhân lực, sản phẩm, ...)

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**19.3. Tổng số vốn của dự án sản xuất**

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**III. PHÂN TÍCH TÀI CHÍNH CỦA DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM**

Tổng kinh phí cần thiết để triển khai dự án sản xuất thử nghiệm = Vốn cố định của dự án sản xuất + Kinh phí hỗ trợ công nghệ + Vốn lưu động.

**\* Vốn cố định của dự án sản xuất gồm:** (i) Thiết bị, máy móc đã có (giá trị còn lại); (ii) Thiết bị, máy móc mua mới; (iii) Nhà xưởng đã có (giá trị còn lại); (iv) Nhà xưởng xây mới hoặc cải tạo.

**\* Vốn lưu động:** chỉ tính chi phí để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất thử nghiệm tiếp theo.

**\* Kinh phí hỗ trợ công nghệ:** chi phí hoàn thiện, ổn định các thông số kinh tế-kỹ thuật.

**Bảng 1.Tổng kinh phí đầu tư cần thiết để triển khai dự án**

*Đơn vị: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nguồn vốn** | **Tổng cộng** | **Trong đó** | | | | | | |
| **Vốn cố định** | | **Kinh phí hỗ trợ công nghệ + thuê chuyên gia** | **Vốn lưu động** | | | |
| **Thiết bị, máy móc mua mới** | **Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo** | **Chi phí lao động** | **Nguyên vật liệu, năng lượng** | **Thuê thiết bị, nhà xưởng** | **Khác** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |
| **1** | **Ngân sách nhà nước** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Nguồn ngoài ngân sách nhà nước** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Cộng** | |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Bảng 2. Tổng chi phí và giá thành sản phẩm** (Trong thời gian thực hiện Dự án)

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Nội dung** | **Tổng số chi phí** *(1.000 đ)* | **Trong đó theo sản phẩm** | | | **Ghi chú** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
| **A** | **Chi phí trực tiếp** |  |  |  |  |  |
| 1 | Nguyên vật liệu, bao bì |  |  |  |  | Phụ lục 1 |
| 2 | Điện, nước, xăng dầu |  |  |  |  | Phụ lục 1 |
| 3 | Chi phí lao động |  |  |  |  | Phụ lục 6 |
| 4 | Sửa chữa, bảo trì thiết bị |  |  |  |  | Phụ lục 2 |
| 5 | Chi phí quản lý |  |  |  |  | Phụ lục 7 |
| **B** | **Chi phí gián tiếp và khấu hao tài sản cố định** |  |  |  |  |  |
| 6 | Khấu hao thiết bị cho dự án  - Khấu hao thiết bị cũ  - Khấu hao thiết bị mới |  |  |  |  | Phụ lục 2 |
| 7 | Khấu hao nhà xưởng cho dự án  - Khấu hao nhà xưởng cũ  - Khấu hao nhà xưởng mới |  |  |  |  | Phụ lục 5 |
| 8 | Thuê thiết bị |  |  |  |  | Phụ lục 2 |
| 9 | Thuê nhà xưởng |  |  |  |  | Phụ lục 5 |
| 10 | Phân bổ chi phí hỗ trợ công nghệ |  |  |  |  | Phụ lục 3,4 |
| 11 | Tiếp thị, quảng cáo |  |  |  |  | Phụ lục 7 |
| 12 | Khác (trả lãi vay, các loại phí, ...) |  |  |  |  | Phụ lục 7 |
| - Tổng chi phí sản xuất thử nghiệm (A+B): | |  |  |  |  |  |
| - Giá thành 1 đơn vị sản phẩm: | |  |  |  |  |  |

***Ghi chú:***

*- Khấu hao thiết bị và tài sản cố định:*  tính theo quy định của Nhà nước đối với từng loại thiết bị của từng ngành kinh tế tương ứng.

*- Chi phí hỗ trợ công nghệ:* được phân bổ cho thời gian thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm.

**Bảng 3. Tổng doanh thu**(Cho thời gian thực hiện dự án)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên sản phẩm** | **Đơn vị** | **Số lượng** | **Giá bán dự kiến**  *(1.000 đ)* | **Thành tiền**  *(1.000 đ)* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* |
|  |  |  |  |  |  |
| **Cộng:** | | | | |  |

**Bảng 4. Tổng doanh thu**(Cho 1 năm đạt 100% công suất)

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên sản phẩm** | **Đơn vị** | **Số lượng** | **Đơn giá**  *(1.000 đ)* | **Thành tiền**  *(1.000 đ)* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
| **Cộng:** | | | | |  |

**Bảng 5. Tính toán hiệu quả kinh tế dự án**

(cho 1 năm đạt 100% công suất)

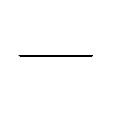
|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Thành tiền** *(1.000 đ)* |
| *1* | *2* | *3* |
| 1 | Tổng vốn đầu tư cho Dự án |  |
| 2 | Tổng chi phí, trong một năm |  |
| 3 | Tổng doanh thu, trong một năm |  |
| 4 | Lãi gộp (3) - (2) |  |
| 5 | Lãi ròng: (4) - (thuế + lãi vay + các loại phí) |  |
| 6 | Khấu hao thiết bị, XDCB và chi phí hỗ trợ công nghệ trong 1 năm |  |
| 7 | Thời gian thu hồi vốn T (năm, ước tính) |  |
| 8 | Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư, % (ước tính) |  |
| 9 | Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu, % (ước tính) |  |

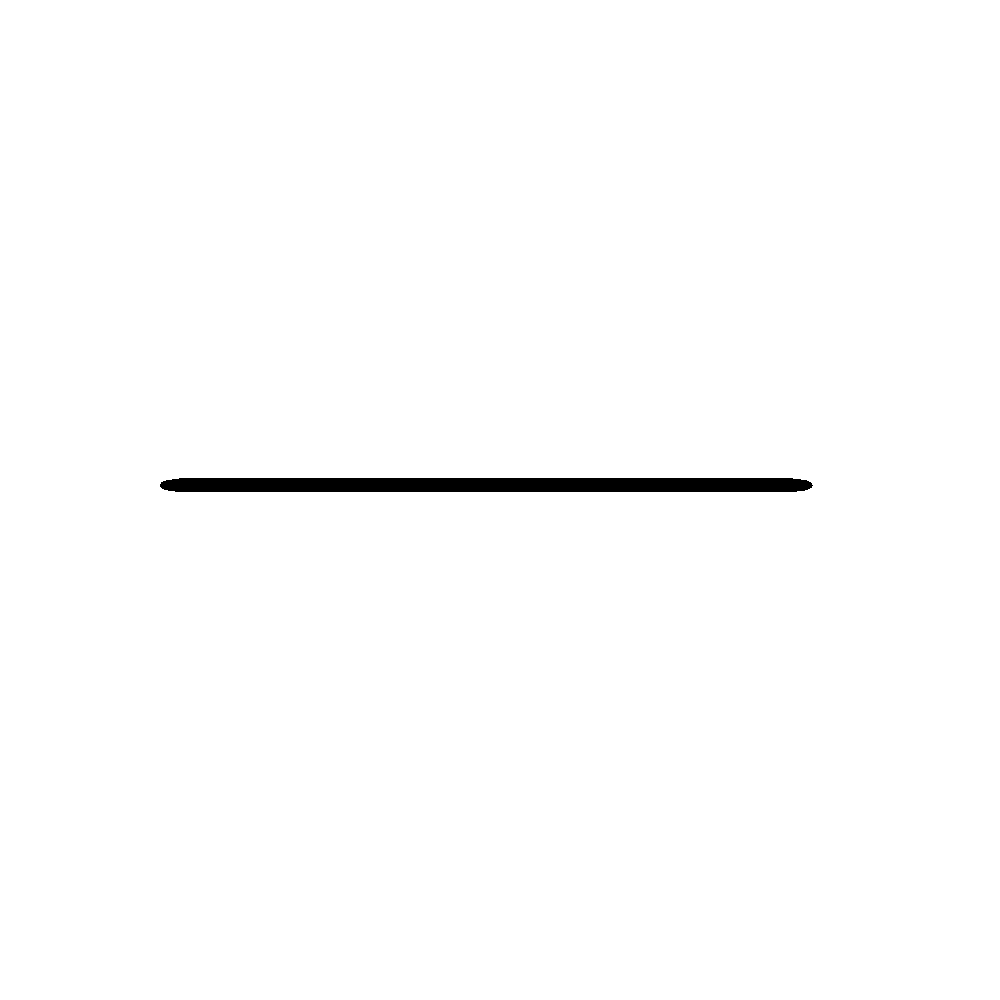
**Chú thích:**

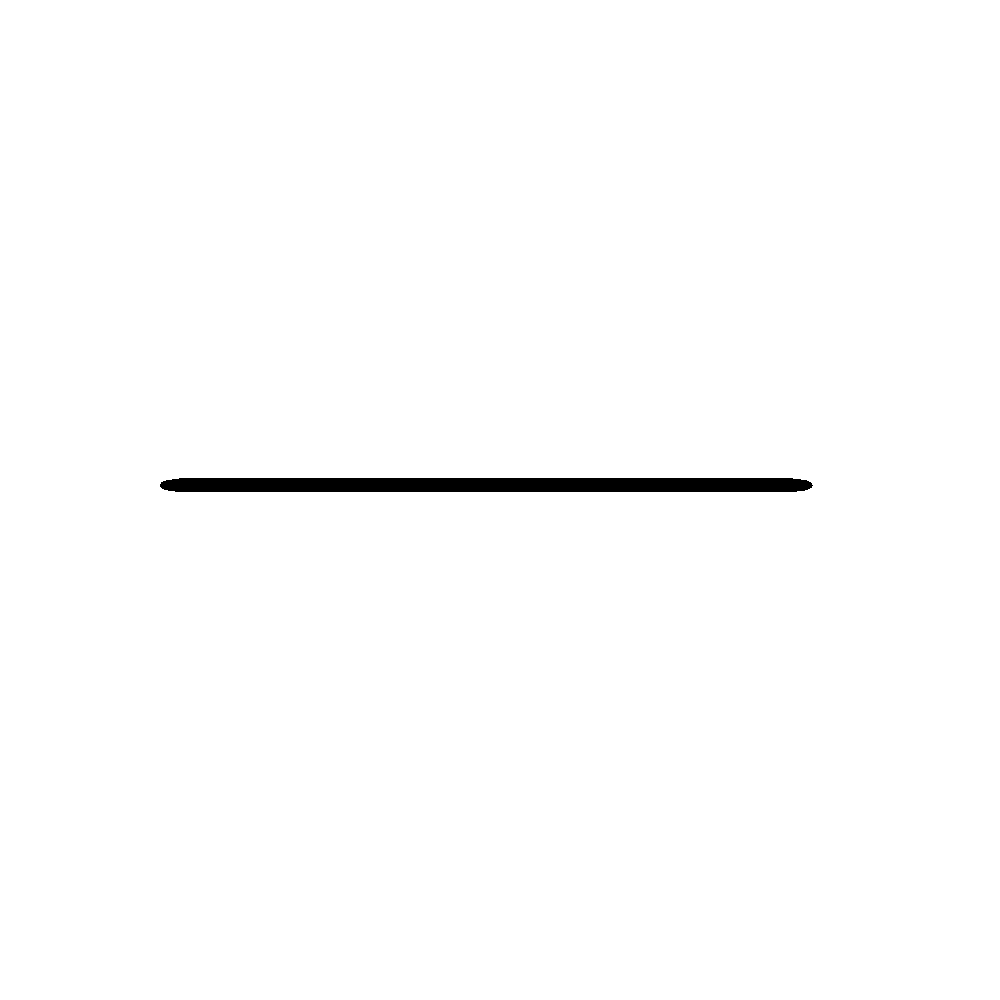
- Tổng vốnđầu tư bao gồm: tổng giá trị còn lại của thiết bị, máy móc và nhà xưởng đã có + tổng giá trị của thiết bị, máy móc mua mới và nhà xưởng bổ sung mới (kể cả cải tạo) + chi phí hỗ trợ công nghệ;

- Thuế: gồm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng và các loại thuế khác nếu có, trong 1 năm;

- Lãi vay: là các khoản lãi vay phải trả trong 1 năm.

**Thời gian thu hồi vốn T** = =  = ... **năm**

**Tỷ lệ lãi ròng so với vốn đầu tư** = x 100 =x 100 = ... **%**;

**Tỷ lệ lãi ròng so với tổng doanh thu** = x 100 =x 100 = ... **%**;

**20. Hiệu quả kinh tế - xã hội**

*(Tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, năng lượng, giảm giá thành và tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hoá, giảm nhập khẩu, tạo công ăn việc làm, bảo vệ môi trường....)*

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

...............................................................................................................................................

**IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

......................................................................................................................................................

......................................................................................................................................................

......................................................................................................................................................

......................................................................................................................................................

......................................................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| *………, ngày...... tháng ...... năm 20....* | *………, ngày...... tháng ...... năm 20....* |
| **Chủ nhiệm dự án** *(Họ, tên và chữ ký)* | **Tổ chức chủ trì dự án** *(Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)* |
|  | *………, ngày...... tháng ...... năm 20....* |
|  | **CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT[[5]](#footnote-5)***(Họ, tên, chữ ký, đóng dấu)* |

**Phụ lục**

**DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN DỰ ÁN**

*Đơn vị: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung**  **các khoản chi[[6]](#footnote-6)** | **Tổng kinh phí** | **Nguồn vốn[[7]](#footnote-7)** | | | | | | | | | | | |
| **Ngân sách nhà nước** | | | | | | | | **Ngoài ngân sách nhà nước** | | | |
| **Tổng số** | | Năm thứ nhất | | Năm thứ hai | | Năm thứ ba | | **Tổng số** | Năm thứ  nhất | Năm thứ  hai | Năm thứ  ba |
| Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* |
| 1 | Thiết bị, máy móc mua mới, thuê |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Nhà xưởng xây dựng mới, cải tạo, thuê |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Chi phí hỗ trợ công nghệ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *a* | *Chi phí thù lao thực hiện dự án* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| *b* | *Thuê chuyên gia trong nước, nước ngoài* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Chi phí đào tạo công nghệ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Chi phí lao động |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Nguyên vật liệu, năng lượng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Chi khác |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Phụ lục 1**

**NHU CẦU NGUYÊN VẬT LIỆU, NĂNG LƯỢNG**

*(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)*

*Đơn vị: triệu đồng*

| **Số**  **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn[[8]](#footnote-8)** | | | | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngân sách nhà nước** | | | | | | | | **Ngoài ngân sách nhà nước** | | | |
| **Tổng số** | | Năm thứ nhất | | Năm thứ hai | | Năm thứ ba | | **Tổng**  **số** | Năm  thứ nhất | Năm  thứ hai | Năm  thứ ba |
| Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* | *16* | *17* | *18* |
| **I** | **Nội dung 1** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Nguyên, vật liệu chủ yếu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Nguyên, vật liệu phụ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Điện: | kW/h |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Điện sản xuất: Tổng công suất thiết bị, máy móc ...kW |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Nước: | m3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Xăng dầu: |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Cho thiết bị sản xuất ........... tấn |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Cho phương tiện vận tải ......... tấn |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Cộng** | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*1. Trường hợp đã có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành:*

*- Dự toán nguyên vật liệu, năng lượng được xây dựng căn cứ vào định mức kinh tế-kỹ thuật do … ban hành tại các văn bản … và báo giá kèm theo.*

*- Số kinh phí đề nghị khoán chi được tính theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 7 Thông tư liên tịch số 27/2015/ TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.*

*2. Trường hợp chưa có định mức kinh tế-kỹ thuật do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành thì dự toán được xây dựng trên cơ sở dự trù mức tiêu hao thực tế cho các nội dung, báo giá và không được đề nghị mức khoán chi.*

**Phụ lục 2**

**YÊU CẦU VỀ** **THIẾT BỊ, MÁY MÓC**

**A. Thiết bị hiện có** *(tính giá trị còn lại)*

*Đơn vị: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* |
| **I** | **Thiết bị công nghệ** |  |  |  |  |
| 1 | **Thiết bị hiện có của tổ chức chủ trì tham gia thực hiện dự án** |  |  |  |  |
|  | …………………… |  |  |  |  |
|  | …………………… |  |  |  |  |
| 2 | **Thiết bị, máy móc điều chuyển từ tổ chức khác đến** |  |  |  |  |
|  | **……………………..** |  |  |  |  |
|  | …………………… |  |  |  |  |
| **II** | **Thiết bị thử nghiệm, đo lường** |  |  |  |  |
| 1 | **Thiết bị hiện có của tổ chức chủ trì tham gia thực hiện dự án** |  |  |  |  |
|  | …………………………. |  |  |  |  |
|  | …………………………. |  |  |  |  |
| 2 | **Thiết bị, máy móc điều chuyển từ tổ chức khác đến** |  |  |  |  |
|  | ……………………………… |  |  |  |  |
| **III** | **Khấu hao thiết bị** |  |  |  |  |
| **Cộng:** | | | | |  |

**B. Thiết bị bổ sung mới, thuê thiết bị**

*Đơn vị: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | **Nguồn vốn** | | | | | | | |
| **Ngân sách nhà nước** | | | | **Ngoài ngân sách nhà nước** | | | |
| **Tổng số** | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | **Tổng số** | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* |
| 1 | Mua thiết bị công nghệ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ………… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | ……….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Mua bằng sáng chế, bản quyền |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Mua phần mềm máy tính |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Vận chuyển lắp đặt |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Thuê thiết bị (nêu các thiết bị cần thuê, giá thuê và chỉ ghi vào cột 6 để tính vốn lưu động) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Bảo dưỡng, sửa chữa |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Cộng:** | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Phụ lục 3**

**CHI PHÍ HỖ TRỢ CÔNG NGHỆ**

**Khoản 3a. Thù lao theo các chức danh thực hiện nhiệm vụ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Chức danh** | **Tổng số người** | **Số tháng quy đổi** | **Tổng kinh phí (triệu đồng)** | |
| **Ngân sách nhà nước** | **Ngoài ngân sách nhà nước** |
| 1 | Chủ nhiệm dự án |  |  |  |  |
| 2 | Thành viên chính |  |  |  |  |
| 3 | Thành viên |  |  |  |  |
| 4 | Thư ký khoa học |  |  |  |  |
| 5 | Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ |  |  |  |  |
| 6 | Lao động phổ thông |  |  |  |  |
| **Cộng:** | |  |  |  |  |

**CHI TIẾT THÙ LAO THAM GIA THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**

*Đơn vị tính: triệu đồng*

| **Số TT** | **Nội dung công việc** | **Hệ số lao động khoa học** | **Số người trong nhóm chức danh** | **Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (ĐMCN)** | **Tổng số tháng quy đổi của nhóm chức danh** | **Tổng thù lao thực hiện dự án** | **Nguồn vốn[[9]](#footnote-9)** | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngân sách nhà nước** | | | | **Ngoài ngân sách nhà nước** | | | |
| Tổng số | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | Tổng số | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7=3x5x6* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* | *15* |
| **I** | **Xây dựng thuyết minh dự án** | Nội dung công việc này chủ nhiệm và thư ký khoa học của đề tài thực hiện, đã được tính trong thù lao của CN và TKKH, không tính thù lao riêng | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Thù lao của chủ nhiệm đề tài[[10]](#footnote-10):** (TLCN = 1,0 x DMCN x 20% x T) | **1** | **1** | **32** | **7,2** *(=20%\*36*  *36 là số tháng thực hiện đề tài)* | **230,4** |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Thù lao của thư ký khoa học:** (TLTK = 0,3 x DMCN x 20% x T) | **0,3** | **1** | **32** | **7,2** *(=20% x 36)* | **69,12** |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Nội dung nghiên cứu** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **1** | **Nội dung 1: ...** Do một thành viên nghiên cứu chính chủ trì thực hiện |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***1.1*** | ***Công việc 1.1: ...*** *Ví dụ: Do thành viên chính Nguyễn Văn A thực hiện trong 12 ngày quy đổi và 02 thành viên tham gia (trong đó: chủ nhiệm nhiệm vụ tham gia với chức danh thành viên, hưởng thù lao tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh thành viên), mỗi thành viên thực hiện trong 01 tháng quy đổi; 04 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ (trong đó: thư ký khoa học tham gia với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ và hưởng thù lao tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ), mỗi kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ thực hiện công việc được giao trong 0,5 tháng quy đổi.* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Thành viên chính | 0,8 | 1 | 32 | 0,55 (= 12/22) | 18,4 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Thành viên | 0,4 | 2 | 32 | 2 | 25,6 |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ | 0,2 | 4 | 32 | 2 | 12,8 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***1.2*** | ***Công việc 1.2…*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Nội dung 2: ...** Chủ nhiệm nhiệm vụ chủ trì thực hiện nội dung với chức danh thành viên chính (hưởng thù lao theo hệ số lao động khoa học của chức danh thành viên chính) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***2.1*** | ***Công việc 2.1: ...*** *Ví dụ: Chủ nhiệm nhiệm vụ thực hiện công việc trong 01 tháng quy đổi và 01 thành viên tham gia trong 8 ngày quy đổi; 03 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ và mỗi kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ thực hiện công việc được phân công trong 0,5 tháng quy đổi; 5 lao động phổ thông, mỗi lao động phổ thông thực hiện công việc được phân công trong 0,5 tháng quy đổi* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Thành viên chính | 0,8 | 1 | 32 | 1 | 25,6 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Thành viên | 0,4 | 1 | 32 | 0,36 (= 8/22) | 4,608 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ | 0,2 | 3 | 32 | 1,5 | 9,6 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| - Lao động phổ thông (tính bằng mức lương tối thiểu vùng cao nhất 4,68 triệu đồng x số tháng thực hiện quy đổi) |  | 5 |  | 2,5 | 11,70 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **III** | **Xây dựng báo cáo tổng kết** | Nội dung công việc này do chủ nhiệm và thư ký khoa học của nhiệm vụ thực hiện, đã được tính trong thù lao của chủ nhiệm và thư ký khoa học, không tính thù lao riêng | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **TỔNG CỘNG** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Khoản 3b. Thuê chuyên gia** *(dự toán phù hợp với phương án thuê chuyên gia nêu tại mục 16 của thuyết minh)*

*Đơn vị tính: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Họ và tên,**  **học hàm, học vị** | **Quốc tịch** | **Thuộc**  **tổ chức** | **Nội dung thực hiện** | **Thời gian thực hiện quy đổi**  **(tháng)** | **Mức lương tháng theo hợp đồng** | **Kinh phí** | | |
| **Tổng** | **Ngân sách nhà nước** | **Ngoài ngân sách nhà nước** |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8=6x7 | 9 | 10 |
| **I** | **Chuyên gia trong nước** | | | | | | | | |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **II** | **Chuyên gia nước ngoài** | | | | | | | | |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| …… |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Phụ lục 4-TMDA**

**CHI PHÍ ĐÀO TẠO CÔNG NGHỆ**

*Đơn vị: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung đào tạo** | **Chi phí** | **Nguồn vốn** | |
| **Ngân sách nhà nước** | **Ngoài ngân sách nhà nước** |
|  |  |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* |
| 1 | Cán bộ công nghệ |  |  |  |
| 2 | Công nhân vận hành |  |  |  |
| 3 | ......... |  |  |  |
|  | **Cộng** |  |  |  |

**Phụ lục 5**

**ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG**

**A. Nhà xưởng đã có** (giá trị còn lại)

*Đơn vị: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị đo** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng A:** |  |  |  |  |

**B. Nhà xưởng xây dựng mới và cải tạo**

*Đơn vị: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số**  **TT** | **Nội dung[[11]](#footnote-11)** | **Kinh phí** | **Nguồn vốn** | | | | | | | |
| **Ngân sách nhà nước** | | | | **Ngoài ngân sách nhà nước** | | | |
| **Tổng** | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | **Tổng** | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* |
| 1 | Xây dựng nhà xưởng mới |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Chi phí sửa chữa cải tạo |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Chi phí lắp đặt hệ thống điện |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Chi phí lắp đặt hệ thống nước |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Chi phí khác |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Phụ lục 6**

**CHI PHÍ LAO ĐỘNG**

*(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)*

*Đơn vị: triệu đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chức danh** | **Số người** | **Tổng số ngày** | **Tiền công theo ngày[[12]](#footnote-12)** | **Tổng kinh phí**  **(Tc)** | **Nguồn vốn** | | | | | | | |
| **Ngân sách nhà nước** | | | | **Ngoài ngân sách nhà nước** | | | |
| **Tổng số** | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba | **Tổng số** | Năm thứ nhất | Năm thứ hai | Năm thứ ba |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6= 4x5xLcs* | *7* | *8* | *9* | *10* | *11* | *12* | *13* | *14* |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Cộng:** | | | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Phụ lục 7**

**CHI KHÁC[[13]](#footnote-13)**

*Đơn vị: Triệu đồng*

| **SốTT** | **Nội dung** | **Nguồn vốn** | | | | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngân sách nhà nước** | | | | | | | | **Ngoài ngân sách nhà nước** | | | |
| **Tổng** | | Năm thứ nhất | | Năm thứ hai | | Năm thứ ba | | **Tổng** | Năm thứ  nhất | Năm thứ  hai | Năm thứ  ba |
| Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* | Kinh phí | *Trong đó, khoán chi theo quy định* |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* | *9* | *10* |  |  |  |  |
| ***1*** | ***Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu; Công tác trong nước*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***2*** | ***Hợp tác quốc tế*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| a | Đoàn ra (nước đến, số người, số ngày, số lần, ...) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| b | Đoàn vào (số người, số ngày, số lần...) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***3*** | ***Kinh phí quản lý*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***4*** | ***Chi phí đánh giá, kiểm tra nội bộ*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Chi phí kiểm tra nội bộ (định mức chi theo quy định hiện hành) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Chi phí Hội đồng đánh giá giữa kỳ, Hội đồng tự đánh giá kết quả dự án (nếu có); mức chi không quá 50% mức chi cho Hội đồng nghiệm thu cấp tỉnh |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***5*** | ***Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ hoạt động nghiên cứu*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***6*** | ***Chi khác*** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - Hội thảo |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | - In ấn, phát hành tài liệu, văn phòng phẩm, thông tin liên lạc |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Dịch tài liệu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Khác |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng:** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Phụ lục 8-TMDA**

**KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung công việc** | **Tháng** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | . . . |
| 1 | Sửa chữa, xây dựng nhà xưởng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 | Hoàn thiện công nghệ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Chế tạo, mua thiết bị |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 4 | Lắp đặt thiết bị |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 5 | Đào tạo công nhân |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 6 | Sản xuất thử nghiệm (các đợt) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 7 | Thử nghiệm mẫu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 8 | Hiệu chỉnh công nghệ |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 9 | Đánh giá nghiệm thu |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Phụ lục 9**

**VỀ KHẢ NĂNG CHẤP NHẬN CỦA THỊ TRƯỜNG**

**I.Nhu cầu thị trường**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên sản phẩm** | **Đơn vị đo** | **Số lượng có thể tiêu thụ trong năm:** | | | **Chú thích** |
| **20..** | **20..** | **20..** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

**II*.* Phương án sản phẩm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên sản phẩm** | **Đơn vị đo** | **Số lượng sản xuất trong năm:** | | | **Tổng số** | **Cơ sở tiêu thụ** |
| **20..** | **20..** | **20..** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* | *8* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |

**III. Danh mục chỉ tiêu chất lượng sản phẩm**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên sản phẩm và  chỉ tiêu chất lượng chủ yếu** | **Đơn vị đo** | **Mức chất lượng** | | | **Ghi chú** |
| **Cần đạt** | **Tương tự mẫu** | |
| **Trong nước** | **Thế giới** |
| *1* | *2* | *3* | *4* | *5* | *6* | *7* |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |

1. Thuyết minh được trình bày và in ra trên khổ giấy A4 [↑](#footnote-ref-1)
2. Ví dụ: chức danh nghiên cứu khoa học (nghiên cứu viên, nghiên cứu viên chính, nghiên cứu viên cao cấp), chức danh công nghệ (kỹ sư, kỹ sư chính, kỹ sư cao cấp) hoặc tương đương [↑](#footnote-ref-2)
3. Chức danh tham gia thực hiện đề tài theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2023/TT- BKHCN của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (Chỉ nêu chủ nhiệm dự án, thư ký khoa học, thành viên chính). [↑](#footnote-ref-3)
4. Dự án sản xuất là phương án triển khai sau khi Dự án sản xuất thử nghiệm kết thúc [↑](#footnote-ref-4)
5. Chỉ ký tên, đóng dấu khi dự án được phê duyệt. [↑](#footnote-ref-5)
6. Các căn cứ xây dựng dự toán: liệt kê các quyết định phê duyệt định mức, văn bản hướng dẫn, … [↑](#footnote-ref-6)
7. Chỉ dự toán chi tiết theo năm thực hiện khi dự án được phê duyệt [↑](#footnote-ref-7)
8. Chỉ dự toán chi tiết theo từng năm sau khi dự án được phê duyệt [↑](#footnote-ref-8)
9. Chỉ dự toán chi tiết theo từng năm sau khi đề tài được phê duyệt. [↑](#footnote-ref-9)
10. Dự toán thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN được tính theo hướng dẫn tại Nghị quyết 75/2024/NQ-HĐND ngày 28/5/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh. Ngoài ra, khi tham gia nghiên cứu Chủ nhiệm đề tài được tính thù lao theo chức danh nghiên cứu khoa học (Thành viên chính hoặc thành viên hoặc kỹ thuật viên) với tổng mức thù lao của Chủ nhiệm đề tài không quá 32 triệu đồng/tháng. Đối với các chức danh khác, mức chi thù lao tối đa không quá 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ của cấp tương ứng. [↑](#footnote-ref-10)
11. Dự toán kèm theo phương án chi tiết [↑](#footnote-ref-11)
12. Tiền công thuê lao động phổ thông được tính theo ngày được tính theo mức lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ KH&CN (Mức tiền tính theo ngày được tính bằng mức lương tháng/22 ngày) [↑](#footnote-ref-12)
13. Định mức chitheo quy định của cấp có thẩm quyền. [↑](#footnote-ref-13)